TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/DS-ST
Ngày 21 – 6 – 2018
V/v tranh chấp hụi và
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Thanh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Kim – Kiểm sát viên

Ngày 20 và 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2018/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P – sinh năm: 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau
Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1985, địa chỉ số 97C, đường T, khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2018 (có mặt).

Bị đơn: Bà Tô Hằng V – sinh năm: 1977 (có mặt)
Ông Phan Văn C – sinh năm: 1965 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Lê Quốc T, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Bà Phan Thị T, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2018 của bà Nguyễn Thị P và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Do chỗ quen biết nên bà

P có tham gia dùm cho bà V 01 chưng hụi, hụi mở ngày 22/02/2017 âm lịch và mãn hụi vào ngày 22/06/2019 âm lịch, gồm 28 chưng, loại hụi 2.000.000đ, mỗi tháng khui 01 lần do vợ chồng ông Lê Quốc T và bà Phan Thị T làm chủ. Vào ngày 22/03/2017 âm lịch, bà Vy bỏ hụi với số tiền 850.000đ và hốt hụi được số tiền 31.550.000đ vào ngày 22/4/2017 âm lịch. Hiện nay phần hụi này còn 25 lần nữa thì mãn hụi, từ khi hốt hụi bà Vy không đóng hụi chết lại cho bà P trong khi đó bà P phải đóng hụi chết lại cho chủ hụi, đến ngày 22/6/2019 hụi mãn. Tổng số tiền hụi chết bà V phải đóng bằng 25 lần x 2.000.000đ = 50.000.000đ. Trong quá trình giao hụi và tham gia chơi hụi chồng của bà V là ông C biết rõ việc này, bà V hốt hụi trên nhằm mục đích đem tiền về nhà lo cho gia đình nên bà P khởi kiện yêu cầu bà V, ông C phải thanh toán số tiền hụi 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Ngoài ra vào ngày 18/4/2017 âm lịch bà V còn nhờ bà P hỏi mượn dùm số tiền 20.000.000đ, có làm biên nhận. Ngày 05/6/2017 bà Vy còn nhờ bà P hỏi mượn dùm số tiền 40.000.000đ, có làm giấy cam kết hỏi nợ. Cả hai khoản tiền trên đến nay bà V chưa thanh toán cho bà P. Việc bà V hỏi mượn số tiền trên thì chồng bà V là ông C cũng biết nên bà P khởi kiện yêu cầu bà V, ông C thanh toán số tiền vay 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Tổng số tiền hụi và tiền vay bà P yêu cầu ông C, bà V thanh toán là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà P xác định khoản tiền hụi 31.550.000đ, mặc dù nội dung là thỏa thuận hụi, nhưng bà không vô dùm hụi cũng không chầu hụi, đây không phải là giao dịch hụi. Nay bà yêu cầu bà V có trách nhiệm trả lại số tiền đã nhận 31.550.000đ. Các khoản vay đầu không thỏa thuận lãi. Nay bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

* Tại biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, bà V trình bày: Bà có vay tiền của bà P với số tiền 40.000.000đ, không phải 60.000.000đ như bà P yêu cầu. Bà vay tiền của bà P nhiều lần cụ thể:

Ngày 17/3/2016 vay 5.000.000đ, lãi suất 15%, đóng lãi được 12 tháng với số tiền 9.000.000đ. Không làm biên nhận

Ngày 18/3/2016 vay 10.000.000đ, lãi suất 15%, đóng lãi được 12 tháng với số tiền 18.000.000đ. Có làm biên nhận

Ngày 02/5/2016 vay 8.000.000đ, lãi suất 15%, đóng lãi được 10 tháng với số tiền 12.000.000đ. Không làm biên nhận

Ngày 10/6/2016 vay 5.000.000đ, lãi suất 30%, đóng lãi được 9 tháng với số tiền 13.500.000đ. Không làm biên nhận

Ngày 08/6/2016 vay 5.000.000đ, lãi suất 10%, đóng lãi được 9 tháng với số tiền 4.500.000đ. Không làm biên nhận

Ngày 09/6/2016 vay 5.000.000đ, lãi suất 15%, đóng lãi được 09 tháng với số tiền 6.750.000đ. Không làm biên nhận

Ngày 22/6/2017 vay 2.000.000đ, lãi suất 15%, đóng lãi được 10 tháng với số tiền 3.000.000đ. Không làm biên nhận

Những lần vay không làm biên nhận, sau đó không nhớ thời gian nào bà P đã tổng kết làm biên nhận với số tiền 20.000.000đ. Như vậy bà có ký biên nhận nợ với bà P 01 biên nhận với số tiền 10.000.000đ và 01 biên nhận với số tiền

20.000.000đ. Ngoài ra còn 02 lần vay mỗi lần 5.000.000đ, không nhớ thời gian, tổng là 10.000.000đ không có biên nhận. Bà chỉ đồng ý trả cho bà P nợ vay là 40.000.000đ. Tại Giấy cam kết hỏi nợ ngày 05/6/2017 bà V chỉ thừa nhận có vay số tiền 10.000.000đ không phải 40.000.000đ, bà P đã sửa chữa từ 10.000.000đ thành 40.000.000đ.

Đối với số tiền vay này, bà đã đóng lãi cho bà P 66.750.000đ, khi trả lãi không làm biên nhận và không có gì chứng minh việc bà đã đóng lãi cho bà P.

Đối với khoản tiền nợ hụi bà P yêu cầu: Do bà còn nợ của bà Phương 40.000.000đ nên bà P có thỏa thuận với bà chơi dùm chưng hụi 2.000.000đ và hốt được 50.000.000đ để trả cho bà P 40.000.000đ, còn lại 10.000.000đ bà P sẽ đưa lại bà nhưng sau khi ký biên nhận 31.550.000đ bà P không đưa cho bà 10.000.000đ và cho rằng toàn bộ số tiền hụi này đã trừ vào tiền lãi của số tiền vay. Bà P không đưa khoản tiền nào từ việc ký nhận biên nhận số tiền 31.550.000đ.

Số tiền vay và số tiền hụi do tự bà đứng ra giao dịch, không liên quan gì đến chồng bà là ông Phan Văn C. Bà đồng ý trả cho bà P số tiền hụi 1.550.000đ và số tiền vay 40.000.000đ.

* Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 03/5/2018 ông Lê Quốc T và bà Phan Thị T trình bày: Ngày 22/02/2017 ông bà có làm chủ hụi, mở dây hụi loại 2.000.000đ, tháng khui một lần, bà P có tham gia 02 chưng. Việc bà P có tham gia hụi giùm ai hay không hay chầu hụi (bán hụi) cho ai hay không ông bà không biết và không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, bà V xác định bà không có chứng cứ cung cấp để chứng minh và cũng không yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã đóng.

Các đương sự đã thống nhất: Khi giao dịch tiền vay, bà V và bà P trực tiếp giao dịch với nhau, mặc dù nội dung thỏa thuận là "Hỏi nợ dùm" nhưng các bên thống nhất đây là giao dịch tiền vay giữa bà P và bà V, không liên quan đến ai khác. Khi bà P và bà V giao dịch tiền vay và hụi với nhau, ông Phan Văn C là chồng bà V hoàn toàn không biết, số tiền vay này bà V dùng để trả nợ khi bà làm chủ hụi bị tay em dựt hụi. Sau khi biết bà V thiếu nợ bà P ông C đã đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà P. Thống nhất biên nhận vay số tiền 20.000.000đ ngày 18/4/2017. Đối với thỏa thuận về hụi, các đương sự thống nhất thực tế là giao dịch tiền vay, không phải hụi, bà V có trách nhiệm trả lại cho bà P 31.550.000đ.

Các đương sự không thống nhất các nội dung: Đối với biên nhận ngày 05/6/2017 âm lịch bà P yêu cầu bà V trả số tiền vay 40.000.000đ. Bà V chỉ thừa nhận biên nhận ngày 05/6/2017 âm lịch khi ký nhận chỉ là 10.000.000đ không phải 40.000.000đ, ngoài ra còn khoản vay 02 lần bằng 10.000.000đ không làm biên nhận.

Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề chị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bà V trả cho bà P 71.550.000đ. Không chấp nhận yêu cầu của bà P 20.000.000đ Không buộc trách nhiệm trả nợ đối với ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu bà Tô Hằng V cùng chồng là ông Phan Văn C thanh toán khoản tiền vay 60.000.000đ và tiền hụi 50.000.000đ. Nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi quy định tại điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Phan Văn C Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên họp hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông Phan Văn C vẫn vắng mặt. Tòa án đã triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Phan Văn C vẫn vắng mặt. Bà V là vợ ông C xác đinh mỗi lần nhận thay văn bản tố tụng cho ông C bà đều thông báo cho ông C biết thời gian và địa điểm mà Tòa án đã triệu tập nhưng vì lý do đi làm xa nên không thể đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án được, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Phan Văn C là đúng quy định tại đúng quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với số tiền hụi 31.550.000đ. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và biên bản ghi ý kiến ngày 30/3/2018 khi thì bà P khai rằng tiền hốt hụi bà tham gia hộ bà V, khi thì chầu hụi hộ bà V, hụi do ông Lê Quốc T và bà Phan Thị T làm chủ hụi. Tại phiên tòa, bà P cho rằng đây không phải là tiền hụi tham gia hộ bà V, mà là tiền vay nhưng thỏa thuận là tiền hụi, lời trình bày này phù hợp với lời trình bày của chủ hụi ông Lê Quốc T và bà Phan Thị T. Bà P và bà V thống nhất thỏa thuận số tiền 31.550.000đ không phải là tiền hụi, bà V có nghĩa vụ trả lại khoản tiền đã nhận 31.550.000đ cho bà P. Sự thỏa thuận này là phù hợp không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có căn cứ chấp nhận sự thỏa thuận này.

[4] Đối với giao dịch tiền vay giữa bà P và bà V. Tại biên nhận "giấy cam kết hỏi nợ dùm" ngày 05/6/2017 âl, có dấu hiệu bị sửa chữa nội dung. Bà V và bà P đều thống nhất nội dung biên nhận này đã bị sửa từ "10.000.000đ" thành "40.000.000đ". Bà P là người sửa và lý giải là do sau khi ký biên nhận ngày 05/6/2017 âl với số tiền 10.000.000đ, bà V tiếp tục vay tiền nhiều lần với số tiền 30.000.000đ, nên bà P đã cộng vào số tiền nợ của biên nhận ngày 05/6/2017 âl thành 40.000.000đ mà không làm biên nhận mới cũng không yêu cầu bà Vy ký xác nhận nội dung sửa chữa. Hiện nay bà P không có chứng cứ thể hiện việc cho bà V vay 30.000.000đ sau khi làm biên nhận ngày 05/6/2017 âl. Trong khi đó, bà V không thừa nhận có vay thêm 30.000.000đ và không chấp nhận việc sửa biên nhận từ 10.000.000đ tháng 40.000.000đ, như sự thừa nhận của bà P. Nhưng bà thừa nhận sau ngày 05/6/2017 âl bà có vay của bà P 10.000.000đ không làm biên nhận. Như vậy, các đương sự đã thống nhất số nợ vay khi xác lập biên nhận ngày 05/6/2017 với số tiền là 10.000.000đ, nên không chứng cứ thể hiện số tiền vay theo biên nhận ngày 05/6/2017 âl là 40.000.000đ. Do bà V không thừa nhận số tiền vay sau ngày 05/6/2017 âl là 30.000.000đ, bà P không có chứng cứ về việc cho vay 30.000.000đ này, trên cơ sở bà V thừa nhận số tiền vay sau ngày 05/6/2017 âl là 10.000.000đ, không làm biên nhận và đồng ý trả số tiền này, nên

chỉ có cơ sở buộc bà V trả cho bà P số tiền này 10.000.000đ. Từ nhận định trên, không có cơ sở thể hiện số tiền vay là 60.000.000đ như nguyên đơn yêu cầu, mà chỉ có căn cứ thể hiện số tiền vay theo biên nhận ngày 18/4/2017 âm lịch là 20.000.000đ, theo biên nhận ngày 05/6/2017 âm lịch là 10.000.000đ và khoản vay không biên nhận bằng 10.000.000đ, tổng số tiền vay là 40.000.000đ đúng như sự thừa nhận của bà V. Nên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn với số tiền 40.000.000đ, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với số tiền 20.000.000đ. Các đương sự thống nhất không yêu cầu đối với khoản tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với trách nhiệm thanh toán, bà P yêu cầu bà V và chồng là ông Phan Văn C thanh toán nợ. Ông C đã được triệu tập và biết về nội dung tranh chấp nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà P. Trong khi bà Phương và bà V thống nhất việc giao dịch này ông C không biết là do các bà giấu không cho ông C biết, nhưng khi bà V không thanh toán nợ thì ông C biết và nhận trách nhiệm cùng bà V trả nợ cho bà P. Hơn nữa, số tiền vay của bà P, bà V sử dụng vào việc thanh toán các khoản nợ phát sinh từ các giao dịch khác của bà V, vì mục đích kinh tế của gia đình. Do đo có đủ cở sở xác định đây là nợ chung của vợ chồng nên ông C là chồng của bà V cùng có trách nhiệm thanh toán số nợ 71.550.000đ (31.550.000đ + 40.000.000đ) cho bà P.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả 71.550.000đ, bà Tô Hằng V và ông Phan Văn C phải nộp phải chịu theo quy định. Bà Nguyễn Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền không được chấp nhận 20.000.000đ là đúng quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị P:

Buộc bà Tô Hằng V và ông Phan Văn C cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị P số tiền 71.550.000đ *(Bảy mươi mốt triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Tô Hằng V và ông Phan Văn C không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P đối với yêu cầu buộc bà Tô Hằng V và ông Phan Văn C trả số tiền vay 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng)*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 3.577.500đ *(Ba triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm đồng)* bà Tô Hằng V và ông Phan Văn C

phải nộp *(chưa nộp).* Bà Nguyễn Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, Ngày 31/01/2018 bà Nguyễn Thị P đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 2.750.000đ *(Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)*, tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0000315, đối trừ chuyển thu. Bà Nguyễn Thị P được nhận lại số tiền 1.750.000đ *(Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị P, bà Tô Hằng V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Văn C, bà Phan Thị T và ông Lê Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Thi Thu

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.